TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2019/DS-ST.
Ngày: 18-11-2019.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

2. Ông Hồng Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST–DS ngày 08/7/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Th, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: + Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988.

+ Anh Tô Văn H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2019, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Th trình bày:

Vào ngày 24/01/2018 và ngày 12/02/2018, ông có cho chị L mượn số tiền để làm ăn tổng cộng là 260.000.000 đồng. Theo giấy mượn tiền thì 03 đến 04 tháng sau chị L sẽ trả đủ số tiền trên. Đến ngày 09/6/2018, chị L trả được số tiền 40.000.000 đồng và ngày 11/7/2018, chị trả tiếp số tiền 30.000.000 đồng. Hiện

nay, chị L còn nợ lại số tiền là 190.000.000 đồng. Ông Th đã đến nhà chị L đòi nợ nhiều lần nhưng chị L không chịu trả. Vì vậy, ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L trả cho ông số tiền còn nợ là 190.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền trên theo mức lãi suất quy định của pháp luật đối với hợp đồng không có thỏa thuận về lãi tính từ ngày 13/6/2018. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn, chị L trình bày: Chị thừa nhận ngày 24/01/2018 và ngày 12/02/2018, chị có mượn của ông Nguyễn Th tổng số tiền là 260.000.000 đồng và cam kết đến ngày 12/6/2014 sẽ trả dứt điểm số nợ trên. Đến ngày 09/6/2018 chị trả cho ông Th số tiền 40.000.000 đồng và ngày 11/7/2018 chị trả được số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại chị còn nợ ông Nguyễn Th là 190.000.000 đồng. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ, điều kiện khó khăn nên chị chưa trả được hết số tiền còn lại. Chị thống nhất trả số tiền gốc cho ông Th là 190.000.000 đồng, đối với tiền lãi thì chị xin không trả vì điều kiện khó khăn nên chị không có khả năng. Việc mượn tiền của ông Th là do chị tự đi mượn, mục đích mượn để có tiền trả cho các chủ nợ vì chị chơi biêu, hụi bị vỡ nợ chứ không phải mượn cho anh H làm ăn. Chị mượn tiền ông Th không liên quan gì đến anh H và anh H hoàn toàn không biết. Chữ ký trong hai giấy mượn tiền là do chị giả chữ ký của anh H.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Tô Văn H trình bày:

Việc chị L mượn tiền của ông Th, anh hoàn toàn không biết. Anh chỉ biết khi chị L vỡ nợ và ông Th xuống nhà đòi nợ. Vì vậy, anh không có liên quan đến việc mượn tiền và trả nợ giữa ông Th và chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 24/01/2018 và ngày 12/02/2018, ông Nguyễn Th cho chị Nguyễn Thị L mượn tổng số tiền là 260.000.000 đồng, cam kết đến ngày 24/4/2018 sẽ trả số tiền 80.000.000 đồng và đến ngày 12/6/2018 trả số tiền 180.000.000 đồng. Chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L, anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã Phuyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam nên việc ông Th khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giao dịch của các bên đương sự:

Tại giấy mượn tiền viết tay ngày 24/01/2018, chị L có mượn ông Th số tiền 80.000.000 đồng, cam kết đến ngày 24/4/2018 sẽ hoàn trả số tiền trên, mục đích là giải quyết việc gia đình. Tại giấy mượn tiền viết tay ngày 12/02/2018, chị L tiếp tục mượn của ông Th số tiền 180.000.000 đồng và cam kết đến ngày 12/6/2018 sẽ hoàn trả số tiền trên, mục đích là giải quyết việc gia đình. Tổng số tiền chị L mượn ông Th là 260.000.000 đồng. Ông Th đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho chị L. Chị L đã trả được số tiền 70.000.000 đồng, còn nợ ông Th số tiền 190.000.000 đồng. Đến nay, chị L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu chị L hoàn trả cho ông số tiền 190.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền trên theo mức lãi suất quy định của pháp luật đối với hợp đồng không có thỏa thuận về lãi tính từ ngày 13/6/2018. Qua làm việc, chị L thừa nhận có mượn của ông Th tổng số tiền là 260.000.000 đồng và xác nhận hiện còn nợ ông Th số tiền 190.000.000 đồng nhưng do điều kiện làm ăn thua lỗ nên chị chưa có khả năng trả nợ. Xét thấy, việc vay mượn tiền giữa ông Th và chị L theo Giấy mượn tiền ngày 24/01/2018 và ngày 12/02/2018 nêu trên là Hợp đồng vay tài sản, dựa trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện giữa hai bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Đến nay, chị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ông Th khởi kiện là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, căn cứ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th, buộc chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Th số tiền 190.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Ông Th yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên theo mức lãi suất quy định của pháp luật đối với Hợp đồng không có thỏa thuận về lãi tính từ ngày 13/6/2018. Xét thấy yêu cầu của ông Th là phù hợp nên căn cứ khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm trả nợ của anh Tô Văn H: Việc vay mượn tiền giữa ông Th và chị L, anh Tô Văn H hoàn toàn không biết cho đến khi ông Th đến nhà đòi nợ. Chị L và ông Th đều thừa nhận lúc mượn tiền không có mặt của anh H, ông Th cũng không có trao đổi về việc mượn tiền nêu trên với anh H. Chị L thừa nhận các chữ ký của anh H trong hai giấy mượn tiền là do chị giả chữ ký của anh H để mượn tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Th xác nhận cả hai lần mượn tiền, chị L đều viết sẵn giấy mượn tiền có chữ ký của anh H trước khi đến mượn tiền của ông và tại phiên tòa ông không yêu cầu anh H trả nợ. Vì vậy, anh H không có trách nhiệm cùng với chị L trả nợ số tiền trên cho ông Th.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th.

1. Buộc chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Th số tiền **217.180.555** *(Hai trăm mười bảy triệu, một trăm tám mươi nghìn, năm trăm năm mươi lăm)* đồng, trong đó tiền gốc là **190.000.000** *(Một trăm chín mươi triệu)* đồng và tiền lãi tính đến ngày 18/11/2019 là **27.180.555** *(Hai mươi bảy triệu, một trăm tám mươi nghìn, năm trăm năm mươi lăm)* đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là **10.859.027** *(Mười triệu tám trăm năm mươi chín nghìn, không trăm hai bảy)* đồng, buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Th số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 6.517.000 *(Sáu triệu, năm trăm mười bảy nghìn)* đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007040 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/11/2019).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thể